TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ – TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Hoàng Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 148/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2023 về việc tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Nguyễn Thị Khải Â -** sinh năm: 1996.

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, khu phố 5, phường B L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Số 749 đường B H Ngh, phường B H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: **Ông Trần An S** – sinh năm: 1991.

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, khu phố 5, phường B L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, ấp 2, xã Ph L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn xin ly hôn, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Khải Â trình bày:*

Bà và ông Trần An S tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/11/2019.

Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, ông S thường xuyên ăn nhậu bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông S không thay đổi dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau rồi đánh đập bà nhiều lần. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Trần Ph – sinh ngày 28/5/2020 hiện nay đang do ông S nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trần An S*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần An S không có mặt để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Qúa trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn ông Trần An S không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 40, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 2 và Điều 11 Luật cư trú; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Khải Â cho bà Nguyễn Thị Khải Â được ly hôn với ông Trần An S.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Khải Â trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ph – sinh ngày 28/5/2020. Tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Â không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Giành quyền khởi kiện cho đương sự khi có phát sinh tranh chấp.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Khải Â phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Trần An S hiện nay đang cư trú, sinh sống tại ấp 2, xã Ph L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 2, Điều 11 Luật cư trú.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Khải Â yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Trần An S và yêu cầu nuôi dưỡng cháu Trần Ph – sinh ngày 28/5/2020 nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Bà Nguyễn Thị Khải Â là nguyên đơn và ông Trần An S là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Tống đạt văn bản tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần An S. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đương sự không có ý kiến gì. Ngày 13/6/2023, Tòa án mở phiên tòa nhưng do ông Trần An S vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 29/6/2023.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù ông Trần An S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Khải Â và ông Trần An S kết hôn là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân phường B L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/11/2019, theo quy định của pháp luật đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Bà Â yêu cầu được ly hôn ông S vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do cuộc sống chung không hạnh phúc rồi ông S đánh đập bà, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay, mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Lời trình bày của bà Â phù hợp với biên bản xác minh tại địa phương xã Ph L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Ông S biết việc bà Â xin ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S không đến Tòa làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của bà Â. Như vậy, ông Sơn đã tự từ bỏ quyền lợi của mình, có thái độ bỏ mặc, muốn ra sao thì ra không có thiện trí hàn gắn đoàn tụ gia đình.

Xét thấy: Hôn nhân của bà Â, ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Â là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Ông S, bà Â có 01 người con chung là cháu Trần Ph – sinh ngày 28/5/2020, bà Ân có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ph.

Xét thấy: Cháu Trần Ph còn nhỏ, tính đến thời điểm xét xử cháu Ph được 37 tháng 01 ngày nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ mặc dù ông S đang nuôi dưỡng cháu Trần Ph nhưng không cho cháu Ph đi học. Theo trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ (là mẹ ruột ông S) "ông S nuôi con không tốt bằng chị Ân, đề nghị Tòa án giao cháu Phong cho chị Ân nuôi dưỡng vì cháu Phong cần sự chăm sóc của người mẹ". Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cho đến phiên tòa hôm nay ông S cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với việc yêu cầu nuôi cháu Ph của bà Â. Ngoài ra, ông S làm nghề nông không có thời gian chăm sóc cháu Ph. Bà Â có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần cho con nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trần Ph cho bà Â trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Ân không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản: Bà Nguyễn Thị Khải Â trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Trần An S không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Khải Â phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Khoản 2 Điều 2 và Điều 11 Luật cư trú.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Khải Â.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Khải Â được ly hôn với ông Trần An S.

2. Về con chung: Buộc ông Trần An S giao cháu Trần Ph – sinh ngày 28/5/2020 cho bà Nguyễn Thị Khải Â có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 người con chung là cháu Trần Ph. Tạm thời ông Trần An S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Â không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần An S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tài sản chung và nợ chung của các đương sự sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Khải Â phải chịu 300.000^{đ} *(ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0000124 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bà Ân đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- UBND phường Bưu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Bá Đức